



NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 39707.19

Hà nội, ngày 23 tháng 09 năm 2019

BÁO CÁO CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN – KỲ 30/06/2019

(Theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016)

I. Tên tổ chức: NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM (VIB).

Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 62999039 **Fax:** (028) 62999040

II. Loại thông tin công bố:

Công bố thông tin theo quy định tại Điều 20 – Thông tư 41/2016/TT- NHNN ngày 30/12/2016 (TT 41) của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

III. Nội dung thông tin công bố

Tháng 11/2018, NHNN đã phê duyệt cho VIB áp dụng TT 41 trước hạn từ ngày 1/1/2019. Theo đó, thực hiện nội dung quy định TT41, VIB thực hiện công bố thông tin chi tiết tỷ lệ an toàn vốn tại điều 20 - TT41, định kỳ 6 tháng một lần theo năm tài chính dựa trên các nội dung quy định tại Phụ lục 5 – TT41, chi tiết như sau:

1. Phạm vi tính tỷ lệ an toàn vốn:

Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất được tính trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con. Tại thời điểm 30/06/2019, Ngân hàng VIB có một công ty con sở hữu trực tiếp là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (viết tắt VIB AMC) và không phát sinh các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, các công ty được loại trừ khi tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất.

2. Cơ cấu vốn tự có

a) Nội dung định tính:

Công cụ vốn chủ sở hữu của VIB tại thời điểm 30/06/2019 bao gồm cổ phiếu thường và cổ phiếu quỹ. Ngân hàng chưa phát sinh các công cụ vốn chủ sở hữu có tính chất nợ như cổ phiếu ưu đãi cổ tức và các công cụ vốn chủ sở hữu khác đáp ứng theo điều kiện TT 41.



b) Nội dung định lượng:

(Đvt: tỷ đồng, %)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Vốn cấp 1 hợp nhất	11.626,54
2	Vốn cấp 2 hợp nhất	1.146,03
3	Các khoản mục giảm trừ khi tính vốn tự có	19,36

3. Tỷ lệ an toàn vốn:

a) Nội dung định tính:

- Thông tin về quy trình tính toán tỷ lệ an toàn vốn:

VIB ban hành quy định Quản trị tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo thông tư 41 nhằm đưa ra nguyên tắc, mô hình quản trị tỷ lệ, các yêu cầu về hệ thống công nghệ thông tin và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác đo lường, giám sát và báo cáo tỷ lệ an toàn vốn.

Hệ thống tính toán tỷ lệ an toàn vốn của VIB đã được tự động hóa dựa trên nền tảng dữ liệu trên các hệ thống lõi của ngân hàng. Dữ liệu tính toán thường xuyên được kiểm tra, đối chiếu nhằm đảm bảo tính chính xác. Báo cáo CAR được kiểm soát và phê duyệt trước khi phát hành.

- Kế hoạch vốn để đảm bảo duy trì tỷ lệ an toàn vốn:

Nhằm duy trì tỷ lệ an toàn vốn đáp ứng TT41, VIB sẽ đồng thời thực hiện các kế hoạch sau:

- Giữ lại phần lớn lợi nhuận chưa phân phối, ngân hàng dự kiến chi trả cổ tức bằng tiền mặt từ 15% đến 20% lợi nhuận sau thuế.
- Phát hành trái phiếu vốn cấp 2 tùy theo điều kiện thị trường nhằm tối ưu hệ số CAR.

Với kế hoạch trên, VIB sẽ duy trì tỷ lệ an toàn vốn trên mức yêu cầu của NHNN trong các năm tới, đồng thời tích cực tìm kiếm và chọn lọc trên thị trường những nhà đầu tư chất lượng phù hợp với chiến lược ngân hàng để tăng cường nguồn vốn hơn nữa.

b) Nội dung định lượng:

(Đvt: tỷ đồng, %)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1.0	Vốn tự có	12.753,21
2.0	Tổng Tài sản có rủi ro	139.027,17
2.1	Rủi ro tín dụng	126.009,42
2.2	Rủi ro tín dụng đối tác	448,99
2.3	Rủi ro hoạt động	890,27
2.4	Rủi ro thị trường	115,22
3.0	Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1	8,36%
4.0	Tỷ lệ an toàn vốn	9,17%



4. Rủi ro tín dụng:

a) Nội dung định tính:

- Tóm tắt chính sách về quản lý rủi ro tín dụng:

VIB xây dựng chiến lược và khẩu vị rủi ro tín dụng trong 3 năm liên tiếp, thực hiện rà soát định kỳ 6 tháng/ lần. Theo đó, HĐQT quy định các hạn mức tối đa theo khẩu vị rủi ro của VIB. TGD sẽ quy định các hạn mức cụ thể theo từng chính sách và các sản phẩm đặc thù, các hạn mức này sẽ được kiểm soát chặt chẽ bởi các phòng ban có liên quan.

VIB áp dụng mô hình phê duyệt tín dụng như sau:

Đối với Khối Ngân hàng bán lẻ (NHBL): VIB giao hạn mức thẩm quyền phê duyệt với hạn mức thấp và các sản phẩm ít rủi ro cho các cá nhân thuộc Khối NHBL. Mức thẩm quyền này sẽ được giám sát thường xuyên tối thiểu 6 tháng/ lần thông qua bộ tiêu chí chấm điểm thẩm quyền phê duyệt tín dụng. Với các mức thẩm quyền cao hơn, sẽ được phê duyệt từ Khối QTRR trở lên

Đối với Khối KHDN: VIB cấp hạn mức thẩm quyền phê duyệt cho 1 số cá nhân tại Khối KHDN cho 1 số sản phẩm đặc thù có chọn lọc. Ngoài hạn mức thẩm quyền này, VIB thực hiện phê duyệt tập trung từ Khối QTRR trở lên.

Để quản lý chất lượng TSBD, VIB hầu hết sử dụng dịch vụ định giá của bên thứ ba để thực hiện định giá TSBD và chỉ giao thẩm quyền định giá cho ĐVKD với tài sản ít rủi ro và hạn mức thấp. Ngân hàng cũng từng bước tiếp tục tập trung hóa công tác định giá cho bên thứ ba và VIB AMC.

Việc kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện qua việc nhận diện sớm, kiểm soát, xử lý, kết hợp với các công cụ phân tích dữ liệu hệ thống. Các chốt kiểm soát, vùng rủi ro nhận dạng được sẽ qua các phòng chức năng để đo lường, đánh giá, xử lý sớm cũng như phân tích nguyên nhân phát sinh để có các giải pháp giảm thiểu, ngăn ngừa phát sinh từ góc độ hệ thống, quy trình, chính sách.

Ngoài ra, VIB đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện các mô hình rủi ro tín dụng để đáp ứng cho nhu cầu phát triển cho vay bán lẻ. Các báo cáo quản trị phân tích danh mục đang từng bước hoàn thiện. Từ đó, VIB sẽ chọn lựa được các phân khúc khách hàng tốt, độ rủi ro thấp nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu ngày càng phát triển và mở rộng của Khối NHBL.

- Danh sách các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được sử dụng khi tính tỷ lệ an toàn vốn bao gồm: Moody's, Standard & Poor, Fitch Rating

- Danh mục các tài sản bảo đảm, bảo lãnh của bên thứ ba, bù trừ số dư nội bảng và sản phẩm phái sinh tín dụng đủ điều kiện để ghi nhận giảm thiểu rủi ro tín dụng cụ thể như sau:

(Đvt: tỷ đồng)

STT	Danh mục đủ điều kiện giảm thiểu rủi ro	Giá trị
1.0	Tài sản đảm bảo	2.047,99
1.1	- Tiền gửi bằng VNĐ	760,51



STT	Danh mục đủ điều kiện giảm thiểu rủi ro	Giá trị
1.2	- Tiền gửi bằng vàng và ngoại tệ tại VIB	2,47
1.3	- Giấy tờ có giá khác do VIB phát hành	1.284,92
2.0	Bù trừ nội bảng	199,83
3.0	Bảo lãnh bên thứ 3	
4.0	Sản phẩm phái sinh tín dụng	

b) Nội dung định lượng:

- Các khoản phải đòi, hệ số rủi ro tương ứng theo từng thứ hạng tín nhiệm và tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo từng doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được lựa chọn như sau:

(Đvt: Triệu đồng)

Doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập	Xếp hạng	Hệ số rủi ro	Giá trị tài sản có rủi ro
FITCH	BB-	40%	2.840.624
	BB-	80%	828.526
MOODYS	A1	50%	12.287
	A2	50%	5.994
	A3	50%	81
	Aa1	20%	4.735
	Aa2	20%	0
	Aa3	20%	4.410
	B1	50%	916.245
	B1	100%	3.555.826
	B2	50%	661.990
	B2	100%	5.304.221
	B3	100%	1.750.793
	Baa1	50%	9.367
STD_POOR	BB-	40%	200.146
Không có xếp hạng		70%	489.954
		150%	465.528
Tổng			17.050.728

- Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng theo rủi ro tín dụng, trong đó chia theo đối tượng có hệ số rủi ro theo quy định tại Điều 9 Thông tư này;

(Đvt: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	126.09,42
1.0	Khoản phải đòi Chính Phủ	12,78
2.0	Khoản phải đòi Định chế tài chính	17.249,15



STT	Chỉ tiêu	Giá trị
	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	126.09,42
3.0	Khoản phải đòi Doanh nghiệp	39.357,70
4.0	Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản	3.772,48
5.0	Khoản cho vay thế chấp nhà ở	3.525,58
6.0	Khoản phải đòi Bán lẻ	57.307,07
7.0	Nợ xấu	2.985,49
8.0	Các loại tài sản khác	1.799,18

- Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng đối tác tại ngày 30/06/2019:

(Đvt: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác	448,99
1.0	Giao dịch tự doanh	393,22
2.0	Giao dịch repo và giao dịch reverse repo	3,34
3.0	Giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro	47,87
4.0	Giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính với mục đích phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác quy định tại mục d khoản 32 Điều 2 Thông tư 41.	4,56

- Tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo ngành đối với khoản phải đòi khách hàng doanh nghiệp:

(Đvt: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Tài sản có rủi ro
	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo ngành	39.357,70
1.0	Nông nghiệp	196,94
2.0	Lâm Nghiệp	55,78
3.0	Thủy sản	95,95
4.0	Công Nghiệp	21.371,08
5.0	Thương Mại	2.121,37
6.0	Dịch vụ	13.185,61
7.0	Khác	2.330,97



- Tài sản tính theo rủi ro tín dụng (bao gồm cả nội bảng và ngoại bảng) được giảm thiểu rủi ro tín dụng theo các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng quy định tại Điều 11 Thông tư này:

(Đơn vị: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị trước giảm thiểu	Giá trị sau giảm thiểu
	Tổng tài sản theo rủi ro tín dụng được giảm thiểu rủi ro	2.267,31	349,72
1.0	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng được giảm thiểu bằng tài sản đảm bảo	2.320,30	310,63
2.0	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng được giảm thiểu bằng bù trừ nội bảng	147,01	39,19
3.0	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng được giảm thiểu bằng bảo lãnh của bên thứ 3		
4.0	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng được giảm thiểu bằng phải sinh tín dụng		

5. Rủi ro hoạt động:

a) Nội dung định tính:

- Tóm tắt chính sách quản lý rủi ro hoạt động:

Chính sách quản lý rủi ro hoạt động đã được xây dựng trên mô hình 3 tuyến bảo vệ cùng với các công cụ đo lường, phương án kiểm soát, cơ chế giám sát và báo cáo rủi ro hoạt động đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Hạn mức rủi ro hoạt động được ban hành và giám sát một cách thường xuyên, các sự cố rủi ro hoạt động liên tục được thu thập và phân tích để đưa ra các chốt chặn kiểm soát, các phương án giảm thiểu rủi ro hiệu quả.

- Tóm tắt Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục trong kinh doanh:

Quy định quản lý liên tục hoạt động kinh doanh tại VIB đã được ban hành và tiếp tục được triển khai bao gồm các cấu phần: Phân tích các tác động đến kinh doanh; Xác định chiến lược khôi phục; Kế hoạch ứng phó với sự cố và khôi phục thảm họa; Triển khai diễn tập và kiểm tra định kỳ; Đào tạo và nâng cao nhận thức cán bộ nhân viên; Kiểm soát và duy trì hoạt động quản lý tính liên tục trong hoạt động kinh doanh. Trong đó, kế hoạch duy trì hoạt động liên tục trong kinh doanh (BCP) đã được xây dựng đến từng Khối/Ban với các nội dung chi tiết phù hợp với đặc thù hoạt động của từng Khối/Ban.



b) Nội dung định lượng:

(Đvt: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
	Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	890,27
1.0	Chỉ số BI - Quý gần nhất	8.282,87
2.0	Chỉ số BI - Quý năm trước	5.668,21
3.0	Chỉ số BI - Quý hai năm trước	3.854,48

6. Rủi ro thị trường:

a) Nội dung định tính:

- Tóm tắt Chính sách quản lý rủi ro thị trường:

Chính sách quản lý rủi ro thị trường được xây dựng cho từng thời kỳ từ 3-5 năm, đảm bảo phù hợp với môi trường và chiến lược kinh doanh của VIB. Chính sách bao gồm khẩu vị rủi ro thị trường đối với từng loại rủi ro trọng yếu và chiến lược quản trị rủi ro thị trường, trong đó đưa ra các nguyên tắc quản trị rủi ro thị trường, nguyên tắc phòng ngừa và thực hiện kiểm tra sức chịu đựng về rủi ro thị trường.

Các hạn mức nội bộ về rủi ro thị trường được giám sát và phê duyệt điều chỉnh thường xuyên bởi Hội Đồng rủi ro. Quan điểm thận trọng và luôn đảm bảo các chỉ số về rủi ro thị trường tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước, đối tác và các hạn mức nội bộ ở mức an toàn và hiệu quả.

- Tóm tắt Chiến lược tự doanh:

Chiến lược tự doanh được Khối nguồn vốn-ngoại hối xây dựng và thực hiện dựa trên khẩu vị rủi ro của HĐQT và diễn biến của thị trường nhằm thu lợi nhuận từ biến động về tỷ giá, lãi suất hoặc thu chênh lệch giá từ các thị trường và khách hàng khác nhau. Thực hiện chiến lược tự doanh cũng góp phần gia tăng thị phần kinh doanh, nâng cao uy tín của VIB trên thị trường cũng như kết hợp bán chéo các sản phẩm khác.

Chiến lược tự doanh của VIB được xây dựng theo hướng đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN, giảm thiểu rủi ro tối đa cho ngân hàng. Do vậy các hạn mức tự doanh thông thường được thiết lập linh hoạt theo dự báo xu hướng biến động của thị trường cũng như định hướng ưu tiên của ngân hàng theo từng thời kỳ, tuy nhiên luôn chặt chẽ hơn mức quy định của NHNN.

- Danh mục thuộc sổ kinh doanh tại thời điểm 30.06: Toàn bộ danh mục kinh doanh ngoại hối của ngân hàng bao gồm trạng thái giao dịch ngoại tệ giao ngay, giao dịch ngoại tệ kỳ hạn và danh mục kinh doanh hoán đổi ngoại hối.

b) Nội dung định lượng:

Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường tại ngày 30/06/2019



STT	Chỉ tiêu	Giá trị
A4	Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	115,22
(16)	Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất	75,20
(17)	Vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu	
(18)	Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối	40,02
(19)	Vốn yêu cầu cho rủi ro giá hàng hóa	
(20)	Vốn yêu cầu cho rủi ro cho các giao dịch quyền chọn	

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của VIB tại đường dẫn:

<https://vib.com.vn/wps/portal/about/shareholder/shareholder-info>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



Tổng Giám Đốc

Hàn Ngọc Vũ

